TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2026
V/v: ly hôn giữa chị Lan và anh Đối.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đức.
2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Chiến - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: đội T, xóm G, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Số CCCD: 036180011687; cấp ngày 25-4-2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Triệu Đình Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Số CMND: 162351313; cấp ngày 22-4-2013; nơi cấp: Công an tỉnh N (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Đình Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 18 tháng 01 năm 2017. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, bất

đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người ấy làm, kinh tế ai người ấy giữ và không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Đến nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Đình Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ không có.

Về tài sản, nợ chung: Chị và anh Đ không có gì.

* Đối với bị đơn là anh Triệu Đình Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 07 tháng 4 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp như sau: Anh Triệu Đình Đ có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, do anh Đ làm công nhân tại khu công nghiệp ở Hà Nam nên anh Đ không có mặt ở nhà trong thời gian từ 06 giờ đến 18 giờ hằng ngày. Vì vậy, khi cán bộ Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng không gặp anh Đ để giao trực tiếp được nên đã thực hiện việc giao các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn H là Trưởng thôn Vụ Nữ để giao lại cho anh Đ theo quy định của pháp luật. Sau đó, ông H đã giao trực tiếp cho anh Đ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Triệu Đình Đ.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bị đơn anh Triệu Đình Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Triệu Đình Đ kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị L và anh Đ không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ năm 2019, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chị L và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có. Anh Đ vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, nợ chung do vậy về tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Triệu Đình Đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0000965 ngày 05 tháng 03 năm 2026. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Triệu Đình Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hiển Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trường Nam

.